

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 23

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Thuận Thảo trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Thuận Thảo được chuyển đổi từ TNHH Vận Tài & Thương Mại Thuận Thảo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400123126 ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 01 năm 2010 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 83.020.000.000 VND lên 93.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 26 tháng 02 năm 2010.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 31 tháng 3 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 93.020.000.000 VND lên 290.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 5 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 9 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 06 tháng 12 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 290.020.000.000 VND lên 435.030.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 18 tháng 7 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi về thông tin chi nhánh và thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 10 tháng 8 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi người đại diện trước pháp luật và bổ sung văn phòng đại diện.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 02 tháng 11 năm 2011 chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 09 tháng 12 năm 2011 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 18 tháng 01 năm 2012 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.

• **Vốn điều lệ** : **435.030.000.000 VND**

• **Danh sách cổ đông sáng lập:**

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Loại CP</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị CP VND</u>
- Bà Võ Thị Thanh	Phổ thông	10.062.000	100.620.000.000
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Phổ thông	580.000	5.800.000.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Võ Thanh Việt Cường	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Trương Trọng Cử	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
Cộng		11.802.000	118.020.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ : Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điện thoại : (84-057) 3824229

Fax : (84-057) 3823466

Mã số thuế : 4 4 0 0 1 2 3 1 6 2

Email: info@thuanthao.vn

Website: <http://www.thuanthao.vn>

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên).**

Địa chỉ: 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại TP.Quy Nhơn.**

Địa chỉ: 358 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định.

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo Khách sạn Cendeluxe.**

Địa chỉ: Số 2 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- **Hoạt động chính của Công ty:**

- Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.
- Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí. Trò chơi dân gian có thưởng. Hoạt động của cơ sở thể thao. Hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.
- Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đấu giá bất động sản.
- Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.
- Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch hội đồng Quản trị
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Phó chủ tịch
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên
- Ông Lương Ngọc Khánh	Thành viên
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Hữu Ân	Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên
- Bà Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Tổng Giám đốc
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Huỳnh Sỹ Chiến	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Như	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012 kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 23).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG - Tổng Giám đốc

Thành phố Tuy Hòa, ngày 18 tháng 07 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		371.374.041.236	286.242.369.818
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.576.999.400	1.221.328.502
Tiền	111	VI.1	1.576.999.400	1.221.328.502
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		350.173.161.213	270.933.481.784
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	268.383.286.202	207.094.994.457
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	31.081.979.304	31.234.304.873
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	50.707.895.707	32.604.182.454
IV. Hàng tồn kho	140		5.642.595.033	6.371.025.388
Hàng tồn kho	141	VI.5	5.642.595.033	6.371.025.388
			-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.981.285.590	7.716.534.144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	13.137.214.338	6.932.426.704
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		120.168.493	32.763.785
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	723.902.759	751.343.655
			-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.081.996.110.060	1.114.932.002.905
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		964.914.979.637	987.161.768.317
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	897.576.940.430	905.174.253.881
Nguyên giá	222		993.396.545.322	986.960.112.527
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.819.604.892)	(81.785.858.646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.9	65.502.594.550	73.947.990.273
Nguyên giá	225		87.566.651.663	95.041.349.078
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(22.064.057.113)	(21.093.358.805)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	1.835.444.657	8.039.524.163
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		117.081.130.423	127.770.234.588
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.11	111.579.495.183	121.724.683.262
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.12	5.501.635.240	6.045.551.326
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.453.370.151.296	1.401.174.372.723

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.003.020.626.790	953.010.953.692
I. Nợ ngắn hạn	310		310.042.536.025	278.426.030.024
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.13	154.532.759.611	160.176.012.157
2. Phải trả người bán	312	VI.14	17.182.156.510	17.413.369.715
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.15	203.959.069	1.067.865.494
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	33.851.717.675	22.998.292.376
5. Phải trả người lao động	315	VI.17	4.723.721.123	3.210.190.029
6. Chi phí phải trả	316	VI.18	89.681.545.389	61.942.598.550
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.19	8.711.410.274	10.127.800.691
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.155.266.374	1.489.901.012
II. Nợ dài hạn	330		692.978.090.765	674.584.923.668
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.20	23.692.077.583	24.333.661.583
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.21	669.014.479.582	649.774.414.485
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		271.533.600	476.847.600
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		450.349.524.506	448.163.419.031
I. Vốn chủ sở hữu	410		450.349.524.506	448.163.419.031
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.22	435.030.000.000	435.030.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	VI.22	9.022.107.363	8.820.270.056
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	VI.22	2.506.140.934	2.450.075.015
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	VI.22	3.791.276.209	1.863.073.960
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.453.370.151.296	1.401.174.372.723

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		-	-

Tỉnh Phú Yên, ngày 18 tháng 7 năm 2012



VŨ THÀNH HOÀNG CHƯƠNG

Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

- 8 -

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2012	Quý II/2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý II/2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý II/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		117.048.149.598	148.412.047.133	229.609.130.514	267.624.472.082
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		272.888.714	170.353.653	462.845.637	415.547.299
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	116.775.260.884	148.241.693.480	229.146.284.877	267.208.924.783
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	68.104.034.938	74.461.431.005	141.586.098.250	136.708.194.962
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.671.225.946	73.780.262.475	87.560.186.627	130.500.729.821
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	6.987.351	3.606.132	11.900.516	12.307.763
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	24.094.944.829	47.563.819.956	46.979.249.676	71.632.349.827
Trong đó: chi phí lãi vay	23		24.094.944.829	47.563.819.956	46.979.249.676	71.632.349.827
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	14.168.368.751	14.318.036.295	20.424.243.404	20.830.797.752
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	8.601.880.519	12.256.075.997	18.127.124.692	25.168.169.200
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.813.019.198	(354.063.641)	2.041.469.371	12.881.720.805
11. Thu nhập khác	31	VII.7	4.409.227.328	5.672.523.493	5.696.800.930	16.387.376.592
12. Chi phí khác	32	VII.8	4.676.375.687	4.768.991.736	4.763.659.355	8.704.241.896
13. Lợi nhuận khác	40		(267.148.359)	903.531.757	933.141.575	7.683.134.696
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.545.870.839	549.468.116	2.974.610.946	20.564.855.501
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	386.467.710	137.367.029	743.652.737	5.141.213.875
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.159.403.129	412.101.087	2.230.958.210	15.423.641.626
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.10	27		51	355



VŨ THANH HOANG CHUÔNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu	Lũy kế từ đầu năm
			năm đến cuối Quý II/2012	đến cuối Quý II/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.974.610.946	20.564.855.501
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		19.148.378.549	18.939.112.379
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.082.569.168	(625.395.446)
- Chi phí lãi vay	06		46.979.249.676	71.632.349.827
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</i>	08		70.184.808.339	110.510.922.261
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(79.604.531.748)	(74.863.663.226)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		728.430.355	437.470.119
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.517.652.103	(17.525.444.942)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.940.400.445	11.966.175.035
- Tiền lãi vay đã trả	13		(19.240.302.837)	(70.271.725.181)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(13.703.891.141)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.387.525.506	485.439.600
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.089.283.372)	(2.499.278.700)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>(16.175.301.210)</u>	<u>(55.463.996.175)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các	21		(1.029.756.529)	(13.695.772.240)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và	22		3.419.999.999	9.010.909.095
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>2.390.243.470</u>	<u>(4.684.863.145)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ	31			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		179.317.356.057	288.176.009.206
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(155.326.608.603)	(213.005.828.584)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(9.850.018.817)	(16.885.910.800)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>14.140.728.637</u>	<u>58.284.269.822</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		<u>355.670.898</u>	<u>(1.864.589.498)</u>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60		<u>1.221.328.502</u>	<u>2.986.145.537</u>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61			
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70		<u>1.576.999.400</u>	<u>1.121.556.039</u>



VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty Cổ Phần Thuận Thảo (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, thương mại, du lịch
- **Ngành nghề kinh doanh** :

Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.

Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.

Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.

Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí. Trò chơi dân gian có thưởng. Hoạt động của cơ sở thể thao. Hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.

Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đầu giá bất động sản.

Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.

Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền;

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hữu ích ước tính dưới 12 tháng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định nếu chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	10 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào sử dụng.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Chi phí lãi vay được vốn hóa từ lúc xây dựng tài sản dở dang đến lúc có quyết định đưa tài sản đó vào sử dụng. Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định của Công ty và chi phí vận hành, chạy thử của khách sạn được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng thời gian phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ không quá 5 năm.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

14. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính số VIII.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	1.369.654.490	940.383.981
Tiền mặt tại VND	1.369.654.490	940.383.981
(b) Tiền gửi ngân hàng VND	202.932.047	273.944.512
– Ngân hàng Ngoại Thương	67.976.276	20.427.011
– Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn	2.107.306	1.525.595
– Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Tài	59.848.238	70.318.265
– Ngân hàng Công Thương	49.039.049	145.023.182
– Ngân hàng Đông Á	6.592.833	19.659.822
– Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Yên	11.190.480	11.040.343
– Ngân hàng VPBank	502.946	802.099
– Ngân hàng Sacombank	1.934.012	2.167.612
– Ngân hàng Á Châu	3.740.907	2.980.583
(c) Tiền đang chuyển	4.412.863	7.000.009
Tiền đang chuyển VND	4.412.863	7.000.009
Cộng	1.576.999.400	1.221.328.502

2. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
– Phải thu khách hàng bộ phận suga	128.797.637	58.762.500
– Phải thu khách hàng vận tải hàng hóa	1.008.784.039	597.840.000
– Bộ phận xe khách Tuy Hoà	296.956.357	115.090.439
– Bộ phận vận tải hành khách Sài Gòn	359.530.380	66.970.258
– Khách hàng khách sạn CenDeluxe	502.793.271	703.171.950
– Phải thu khách hàng bộ phận Taxi	1.752.160	2.971.000
– Công ty TNHH CHC	14.037.852.415	35.931.447.766
– Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	250.650.000.000	168.650.000.000
– Các khách hàng khác	1.396.819.943	968.740.544
Cộng	268.383.286.202	207.094.994.457

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH XDXL Thế Minh	145.751.465	145.751.465
- Ứng tiền mua đất tại Tp.HCM	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Hoàng Đạo	-	418.559.856
- Bộ phận vận tải hành khách Sài Gòn	85.680.479	52.880.000
- Công ty CP kỹ nghệ thực phẩm VN	112.307.728	
- DNTN Xăng dầu Hiệp Thành Phát	546.745.840	
- Các khách hàng khác	191.493.792	617.113.552
Cộng	<u>31.081.979.304</u>	<u>31.234.304.873</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu ngân sách chi phí làm đường N1 - Resort	798.956.000	798.956.000
- Chi phí đền bù đất	6.045.783.726	6.045.783.726
- Bộ phận xe khách Qui Nhơn	25.311.000	11.000.000
- Bộ phận khách sạn CenDeluxe	4.662.373.360	4.687.901.455
- Bộ phận xe khách Sài Gòn	68.410.000	59.399.005
- Công ty TNHH CHC	26.837.107.465	8.558.175.517
- Chương trình Hoa hậu trái đất chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	3.764.491.081	3.764.491.081
- Sao mai điểm hẹn chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	1.621.242.310	1.621.242.310
- Chương trình Duyên dáng Việt Nam 23 chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	5.805.676.670	5.805.676.670
- Các khoản khác	1.078.544.095	1.251.556.690
Cộng	<u>50.707.895.707</u>	<u>32.604.182.454</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	2.438.012.403	2.478.038.073
- Công cụ dụng cụ	442.797.937	400.497.815
- Sản phẩm dở dang	6.884.680	2.346.451
- Thành phẩm	9.899.873	322.070.487
- Hàng hóa	2.745.000.140	3.168.072.562
Cộng	<u>5.642.595.033</u>	<u>6.371.025.388</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số đầu năm		6.932.426.704
- Tăng trong kỳ	14.683.484.737	
- Kết chuyển chi phí trong kỳ	8.385.113.466	
- Giảm khác trong kỳ	93.583.637	
Số cuối kỳ	<u>13.137.214.338</u>	

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ông Lê Ngọc Hữu	7.148.000	10.157.300
- Bà Ngô Thị Hồng Sâm	286.530.000	-
- Tạm ứng bộ phận khách sạn		90.370.618
- Tạm ứng bộ phận Qui Nhơn	9.800.000	6.700.000
- Bà Võ Thị Thanh	122.408.920	122.408.920
- Tạm ứng bộ phận Sài Gòn	108.287.120	106.226.942
- Ông Tô Kỳ Hỷ		12.000.000
- Ông Lê Minh Hùng	14.133.219	32.718.000
- Phan Phú Thịnh	13.712.500	90.597.500
- Nguyễn Thị Minh Tâm	17.100.000	
- Các nhân viên khác	144.783.000	280.164.375
Cộng	<u>723.902.759</u>	<u>751.343.655</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động Tài sản cố định trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	882.327.626.803	6.732.745.477	54.671.520.709	10.545.072.757	32.683.146.781	986.960.112.527
2. Tăng trong kỳ	7.039.187.542	2.651.792.653	5.265.260.762	-	126.695.000	15.082.935.957
3. Giảm trong kỳ	-	-	8.646.503.162	-	-	8.646.503.162
4. Số cuối kỳ	<u>889.366.814.345</u>	<u>9.384.538.130</u>	<u>51.290.278.309</u>	<u>10.545.072.757</u>	<u>32.809.841.781</u>	<u>993.396.545.322</u>
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	51.422.216.591	3.058.350.642	14.694.415.167	3.033.269.770	9.577.606.476	81.785.858.646
2. Tăng trong kỳ	9.065.416.300	1.711.537.668	4.737.017.957	567.566.227	2.196.867.665	18.278.405.817
3. Giảm trong kỳ	99.068.539	-	4.143.933.992	456.036	1.201.004	4.244.659.571
4. Số cuối kỳ	<u>60.388.564.352</u>	<u>4.769.888.310</u>	<u>15.287.499.132</u>	<u>3.600.379.961</u>	<u>11.773.273.138</u>	<u>95.819.604.892</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

III. Giá trị còn lại

1. Số đầu năm	830.905.410.212	3.674.394.835	39.977.105.542	7.511.802.987	23.105.540.305	905.174.253.881
2. Số cuối kỳ	<u>828.978.249.993</u>	<u>4.614.649.820</u>	<u>36.002.779.177</u>	<u>6.944.692.796</u>	<u>21.036.568.643</u>	<u>897.576.940.430</u>

- Toàn bộ Giá trị của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Cộng</i>
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	666.666.667	87.011.739.309	7.362.943.102	95.041.349.078
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	4.861.904.762	2.612.792.653	7.474.697.415
4. Số cuối kỳ	<u>666.666.667</u>	<u>82.149.834.547</u>	<u>4.750.150.449</u>	<u>87.566.651.663</u>
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	187.693.137	16.776.404.423	4.129.261.245	21.093.358.805
2. Tăng trong kỳ	41.670.414	4.278.011.196	372.406.081	4.692.087.691
3. Giảm trong kỳ	-	2.349.920.662	1.371.468.721	3.721.389.383
4. Số cuối kỳ	<u>229.363.551</u>	<u>18.704.494.957</u>	<u>3.130.198.605</u>	<u>22.064.057.113</u>
III. Giá trị còn lại				
1. Số đầu năm	478.973.530	70.235.334.886	3.233.681.857	73.947.990.273
2. Số cuối kỳ	<u>437.303.116</u>	<u>63.445.339.590</u>	<u>1.619.951.844</u>	<u>65.502.594.550</u>

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công trình Nhà Rôbison		4.675.872.737
- Sửa chữa và xây dựng khác	1.835.444.657	3.363.651.426
Cộng	<u>1.835.444.657</u>	<u>8.039.524.163</u>

11. Chi phí trả trước dài hạn

- Số đầu năm		121.724.683.262
- Tăng trong kỳ	849.704.096	
- Kết chuyển chi phí trong kỳ	10.994.892.175	
- Số cuối kỳ	<u>111.579.495.183</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

12. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khoản quỹ ký cược dài hạn thuê tài chính	5.501.635.240	6.045.551.326
Cộng	<u>5.501.635.240</u>	<u>6.045.551.326</u>

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Ngân hàng Đầu tư phát triển Phú Tài	85.062.801.746	47.020.537.500	47.146.300.312	84.937.038.934
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam	71.982.730.823	58.100.753.532	63.809.982.481	66.273.501.874
- Vay cá nhân	3.130.479.588	2.184.065.025	1.992.325.810	3.322.218.803
Cộng	<u>160.176.012.157</u>	<u>107.305.356.057</u>	<u>112.948.608.603</u>	<u>154.532.759.611</u>

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Xăng dầu Phú Thành	105.860.300	2.674.241.250
- DNTN xăng dầu Hiệp Thành Phát	-	590.753.310
- Bộ phận khách sạn Cen Deluxe	1.689.209.724	1.116.037.437
- Công ty TNHH 1TV VTTT Phú Yên	2.066.424.280	1.409.883.620
- Công ty TNHH CKL Việt Nam	398.613.752	436.370.300
- CN.Cty TNHH VT&SC ô tô Phát Tường (Quảng Nam)	1.837.594.080	1.503.566.430
- CN.Cty TNHH VT&SC ô tô Phát Tường (Ninh Thuận)	2.595.528.720	-
- Công ty Metro Cash & Carry Việt Nam	395.687.433	295.260.527
- Công ty CP Vedan	996.187.740	208.885.952
- Công ty Hoàng Phương	202.187.795	254.462.295
- Công ty CP nước khoáng Vĩnh Hảo	349.307.231	302.297.634
- DNTN Tân Thanh	39.999.951	244.799.951
- DNTN TM Kim Phúc	743.687.350	495.412.143
- Công ty TMDVTH Hòa Khánh	-	12.307.000
- Công ty TNHH ô tô HINO Tây Nguyên	-	1.872.000.000
- Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam	-	174.807.000
- Công ty TNHH TM Trang trí nội thất Châu Âu	214.530.283	214.530.283
- Cơ sở điêu khắc Rồng Vàng	23.635.000	115.150.000
- Công ty dầu ăn GOLDEN HOPE – Nhà bè	1.752.247.209	1.326.625.718
- Các Công ty khác	5.761.868.154	4.165.978.865
Cộng	<u>17.182.156.510</u>	<u>17.413.369.715</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vận tải hành khách Sài Gòn	59.048.406	560.861.987
- Vận tải hành khách Quy Nhơn		324.612.073
- Chi nhánh khách sạn Cendeluxe	41.471.214	53.859.934
- Các khách hàng khác	103.439.449	128.531.500
Cộng	<u>203.959.069</u>	<u>1.067.865.494</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT	31.296.009.164	21.590.496.717
- Thuế thu nhập cá nhân	461.411.941	212.951.108
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.821.557.026	1.077.904.289
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	272.739.544	116.940.262
Cộng	<u>33.851.717.675</u>	<u>22.998.292.376</u>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ thuế

Thuế suất : 10 %

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh V.11)

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương còn phải trả người lao động	4.723.721.123	3.210.190.029
Cộng	<u>4.723.721.123</u>	<u>3.210.190.029</u>

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả cho ngân hàng	89.681.545.389	61.942.598.550
Cộng	<u>89.681.545.389</u>	<u>61.942.598.550</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm thất nghiệp	294.147.479	237.267.179
- Kinh phí công đoàn	40.608.863	47.039.863
- Phải trả tiền làm đường Độc Lập	1.476.130.565	1.476.130.565
- Hàng gửi	333.945.000	1.592.443.000
- Bộ phận khách sạn	223.438.422	10.006.585
- Bộ phận xe khách Quy Nhơn	14.912.056	20.898.364
- Bộ phận xe khách Sài Gòn	55.077.444	101.057.534
- Ông Nguyễn Văn Chánh	-	217.500.000
- Phải trả cổ tức	657.780.000	657.780.000
- Các khoản khác	5.615.370.445	5.767.677.601
Cộng	<u>8.711.410.274</u>	<u>10.127.800.691</u>

20. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký quỹ nhân viên	9.763.320.875	10.245.704.875
- Bà Võ Thị Thanh	11.670.136.708	11.670.136.708
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương	661.270.000	661.270.000
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	605.700.000	764.900.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	330.550.000	330.550.000
- Ông Võ Thanh Việt Cường	330.550.000	330.550.000
- Ông Trương Trọng Cử	330.550.000	330.550.000
Cộng	<u>23.692.077.583</u>	<u>24.333.661.583</u>

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Vay Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	504.097.734.507	39.500.000.000	-	543.597.734.507
- Vay ngân hàng Công Thương	700.000.000	-	700.000.000	-
- Vay ngân hàng VP Bank	1.513.000.000	-	178.000.000	1.335.000.000
- Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	39.500.000.000	-	39.500.000.000	-
- Nợ thuê tài chính	58.620.219.657	-	10.393.934.903	48.226.284.754
- Vay cá nhân	45.343.460.321	32.512.000.000	2.000.000.000	75.855.460.321
Cộng	<u>649.774.414.485</u>	<u>72.012.000.000</u>	<u>52.771.934.903</u>	<u>669.014.479.582</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	435.030.000.000	8.820.270.056	2.450.075.015	741.755.590	447.042.100.661
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.121.318.370	1.121.318.370
Giảm khác	-	-	-	(22.049.032.701)	(22.049.032.701)
Số dư cuối năm trước	435.030.000.000	8.820.270.056	2.450.075.015	1.863.073.960	448.163.419.031
Số dư đầu năm nay	435.030.000.000	8.820.270.056	2.450.075.015	1.863.073.960	448.163.419.031
Trích lập quỹ	-	201.837.307	56.065.919	(302.755.960)	(44.852.734)
Lãi trong kỳ	-	-	-	2.230.958.209	2.230.958.209
Số dư cuối kỳ	435.030.000.000	9.022.107.363	2.506.140.934	3.791.276.209	450.349.524.506

	Kỳ này	Năm trước
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.503.000	43.503.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

I. Doanh thu

	Quý II/ 2012	Quý II/2011
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.048.149.598	148.412.047.133
- Khoản giảm trừ doanh thu	272.888.714	170.353.653
Doanh thu thuần	116.775.260.884	148.241.693.480

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý II/ 2012</u>	<u>Quý II/2011</u>
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.104.034.938	74.461.431.005
Cộng	<u>68.104.034.938</u>	<u>74.461.431.005</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý II/ 2012</u>	<u>Quý II/2011</u>
- Lãi tiền gửi	6.987.351	3.606.132
Cộng	<u>6.987.351</u>	<u>3.606.132</u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Quý II/ 2012</u>	<u>Quý II/2011</u>
Chi phí trả lãi vay	24.094.944.829	47.563.819.956
Cộng	<u>24.094.944.829</u>	<u>47.563.819.956</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý II/ 2012</u>	<u>Quý II/2011</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	441.530.359	419.223.000
- Chi phí công cụ dụng cụ	8.082.871.283	8.521.023.099
- Chi phí khấu hao	3.599.412.380	3.571.321.265
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	498.718.813	184.528.755
- Chi phí khác bằng tiền	1.545.835.916	1.621.940.176
Cộng	<u>14.168.368.751</u>	<u>14.318.036.295</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II/ 2012</u>	<u>Quý II/2011</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.152.729.787	4.214.847.643
- Chi phí công cụ dụng cụ	1.429.906.033	3.810.459.092
- Chi phí khấu hao	2.755.432.614	2.582.969.762
- Thuế, phí lệ phí	538.500	14.527.978
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	310.214.763	372.495.133
- Chi phí khác bằng tiền	953.058.822	1.260.776.388
Cộng	<u>8.601.880.519</u>	<u>12.256.075.997</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

7. Thu nhập khác

	<u>Quý II/ 2012</u>	<u>Quý II/2011</u>
- Thu thanh lý xe	3.238.181.817	5.018.181.824
- Các khoản khác	1.171.045.511	654.341.669
Cộng	<u>4.409.227.328</u>	<u>5.672.523.493</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý II/ 2012</u>	<u>Quý II/2011</u>
- Giá trị còn lại của xe thanh lý	4.440.076.892	4.481.889.167
- Các khoản khác	236.298.795	287.102.569
Cộng	<u>4.676.375.687</u>	<u>4.768.991.736</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý II/ 2012</u>	<u>Quý II/2011</u>
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.545.870.839	549.468.116
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
- Thu nhập chịu thuế	1.545.870.839	549.468.116
- Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>386.467.710</u>	<u>137.367.029</u>

TP. Tuy Hòa, ngày 18 tháng 7 năm 2012



VÔ THANH HOÀNG CHƯƠNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng